

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2020/HS-PT**
Ngày: 07 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình
- *Các Thẩm phán:* Ông Đặng Ngọc Bình
Ông Nguyễn Văn Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 123/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HS-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đức H, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1990; nơi sinh: Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú: 293 PĐP, phường 2, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: 5/4 TM, phường 4, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nhân viên sân golf; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Bích Ng, sinh năm: 1971; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại 293 PĐP, phường 2, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị **Đỗ Trần Lệ U**, sinh năm 1994; nơi cư trú: 25B đường KS, Phường 10, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H có quan hệ tình cảm với chị Đỗ Trần Lệ U. Do từ tháng 7/2019, H có vay mượn tiền ngoài xã hội nhưng không có khả năng chi trả nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị U mang đi cầm để lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định, ngày 05/12/2019, H đến nhà chị U tại địa chỉ 25B KS, phường 10, thành phố ĐL chơi và ngủ lại. Khoảng 23 giờ cùng ngày, thấy chị U đang ngủ say, H lén lục túi xách của chị U lấy trộm Giấy đăng ký xe mô tô tô hiệu Airblade biển số 49B1- 777.32 cất giấu vào trong người. Đến 17 giờ ngày 07/12/2019, H đến nhà chị U chơi và giả vờ nói chị U cho H mượn xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ, biển số 49B1- 777.32 để về nhà lấy đồ khoảng 30 phút sẽ quay lại trả xe, nghe vậy thì chị U tin tưởng và đồng ý giao xe cho H. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe nói trên của chị U, H mang chiếc xe này đi cầm cố tại tiệm cầm đồ TH, địa chỉ số 69 Phan Bội Châu, phường 1, thành phố ĐL cho anh Nguyễn Tấn S với số tiền 26.000.000 đồng, sau đó H mang số tiền này đem đi trả nợ hết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, chị U yêu cầu H trả xe thì H nói đã đem đi cầm nên ngày 08/12/2019 chị U đã có đơn trình báo Công an thành phố ĐL. Tại Cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen đỏ, biển số 49B1-777.32, số khung 6324HZ259889, số máy JF63FE2312267;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Trần Lệ U, biển số đăng ký 49B1-777.32, nhãn hiệu Honda Airblade màu đen đỏ.

+ 01 (một) hợp đồng cầm đồ số 000733 giữa dịch vụ cầm đồ TH với Nguyễn Đức H, được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Bị hại: chị Đỗ Trần Lệ U bị chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ, biển số 49B1- 777.32. Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố ĐL kết luận chiếc xe mô tô nói trên có giá trị 42.300.000 (*Bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn*) đồng. Cơ quan điều tra Công an đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nói trên cho chị U. Chị U đã nhận lại tài sản và có đơn bãi nại cho bị cáo.

Trong vụ án này, có anh Nguyễn Tấn S là người đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 49B1-777.32 của bị cáo H, quá trình điều tra xác định khi cầm xe thì anh S không biết chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự đối với anh S. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo H đã bồi thường cho anh S số tiền 26.000.000 (*hai mươi sáu triệu*) đồng, anh S không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 19/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 83/2020/HS-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã xử;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức H 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngày 27/7/2020 bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 27/7/2020 bị hại kháng cáo xin cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Bị hại giữ nguyên kháng cáo xin cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích tư lợi cá nhân, cần tiền để trả nợ nên tối ngày 05/12/2019, lợi dụng lúc chị U đang ngủ say, bị cáo H đã lén lút lấy trộm Giấy đăng ký xe mô tô của chị U cất giấu. Sau đó, đến ngày 07/12/2019, bị cáo H đã dùng lời nói gian dối để chị U tin tưởng giao tài sản của chị U là chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 49B1-777.32 trị giá 42.300.000 đồng cho bị cáo. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe của chị U, bị cáo đã mang chiếc xe đi cầm cố được số tiền 26.000.000 đồng và sử dụng tiền này trả nợ cá nhân hết. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo trình bày đã tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000đ. Bị hại thừa nhận. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng án treo, tuy nhiên, xét thấy tình hình tội phạm này ngày càng gia tăng, nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, nên không chấp nhận cho hưởng án treo. Do đó, chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và bị hại, giảm hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H và bị hại Đỗ Trần Lệ U, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Đức H **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Tp. ĐL (02);
- VKSND Tp. ĐL (01);
- Cơ quan CSĐT CA Tp. ĐL (01);
- Cơ quan THAHS CA Tp. ĐL (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bình